

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(Thực hiện Công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mẫu giáo An Lục Long

2. Địa chỉ trụ sở

- Địa chỉ: Ấp Lộ Đá, xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An

- Điện thoại: 02723.671.348

- Email: [c0anluculongct.longan@moet.edu.vn](mailto:c0anluculongct.longan@moet.edu.vn)

- Website: <http://maugiaoanluculong.pgdchauthanhla.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng:

- Xây dựng trường là ngôi nhà thứ hai của trẻ và cô giáo. Tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện "học bằng chơi, chơi mà học" cho trẻ gắn với phong trào thi đua xây dựng "Trường học thân thiện, học sinh tích cực".

- Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn – là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

- Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

4.2. Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Xây dựng trường Mẫu giáo An Lục Long ngày một thân thiện, chất lượng tốt, là nơi giáo viên và trẻ luôn có cơ hội phát triển tư duy sáng tạo, có vị trí tương đồng với các trường MN-MG huyện Châu Thành cũng như tỉnh Long An.

4.3. Mục tiêu chiến lược:

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

### **5. Quá trình hình thành và phát triển**

Trường Mẫu giáo An Lục Long thuộc mô hình trường công lập hoạt động từ năm 1984 với 7 lớp học nằm ở 6 ấp trong xã. Từ năm học 2015-2016 cho đến nay, thực hiện kế hoạch phát triển thêm lớp mẫu giáo, nhà trường được đầu tư xây dựng tập trung về điểm chính tại địa chỉ: Đường tỉnh lộ 827, ấp Lộ Đá, xã An Lục Long với tổng diện tích toàn trường là 2.438,4m<sup>2</sup> theo quyết định thành lập trường số 305/QĐ.UBND ngày 10 tháng 4 năm 2008 của UBND huyện Châu Thành

Trong quá trình hoạt động, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền UBND huyện, Đảng ủy - UBND xã An Lục Long. Đặc biệt nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Phòng GD&ĐT. Nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương, năm học 2022-2023 trường đạt “Tập thể lao động xuất sắc”.

Trường đã được tái công nhận theo quyết định công nhận chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 12/03/2025, kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 2 theo Quyết định số 352/QĐ-SGDDT ngày 06/03/2025.

Trường có Chi bộ Đảng với 15 đảng viên, chi bộ nhà trường luôn được công nhận là HTTNV. Tổ chức Công đoàn với 26 công đoàn viên, hằng năm đạt HTTNV. Chi đoàn TNCSHCM được thành lập năm 2022 với 12 đoàn viên, hằng năm đạt HTTNV.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Qua những thành tích đạt được trường Mẫu giáo An Lục Long luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

### **6. Thông tin đại diện pháp luật**

Họ và tên: Liêu Thị Minh Hoàng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mẫu giáo An Lục Long, ấp Lộ Đá, xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Điện thoại: 098 678 0628

Email: [minhhoang2303@gmail.com](mailto:minhhoang2303@gmail.com)

### **7. Tổ chức bộ máy**

a) Quyết định thành lập trường, cho phép hoạt động giáo dục:

Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành Quyết định thành lập trường Mẫu giáo An Lục Long;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về kiện toàn Hội đồng trường của Trường Mẫu giáo An Lục Long nhiệm kỳ 2023 – 2028.

**Danh sách thành viên hội đồng trường**

| STT | Họ và tên               | Chức vụ                      | Chức danh           |
|-----|-------------------------|------------------------------|---------------------|
| 1.  | Bà Liêu Thị Minh Hoàng  | Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng  | Chủ tịch            |
| 2.  | Bà Lê Thị Mỹ Hạnh       | Phó Hiệu trưởng              | Thành viên          |
| 3.  | Ông Huỳnh Thái Thanh    | Phó Bí thư ĐU xã An Lục Long | Thành viên          |
| 4.  | Bà Lê Thị Kiều Ngân     | Trưởng ban đại diện CMHS     | Thành viên          |
| 5.  | Bà Võ Thị Mộng Tuyền    | Chủ tịch công đoàn           | Thành viên          |
| 6.  | Bà Huỳnh Thị Minh Thư   | Bí thư chi đoàn              | Thành viên          |
| 7.  | Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo | Tổ trưởng khối 1             | Thành viên – Thư ký |
| 8.  | Bà Lê Thị Mộng Nghi     | Tổ trưởng khối mầm-Chồi      | Thành viên          |
| 9.  | Ông Đặng Ngọc Khởi      | TB.BĐDCMHS                   | Thành viên          |

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về bổ nhiệm hiệu trưởng trường Mẫu giáo An Lục Long;

Quyết định số 6258/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Mẫu giáo An Lục Long;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: (đính kèm).

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2023-2025 (Số: 30/KH-MGALL, ngày 19/9/2023)

- Quyết định ban hành Quy chế dân chủ (Số: 231/QĐ-MGALL, ngày 12/9/2024)

- Nghị quyết của hội đồng trường năm học 2024-2025: (Số: 195/NQ-HĐT-MGALL, ngày 26/8/2024; đính kèm)

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

| STT        | Nội dung                                              | Tổng số   | Trình độ đào tạo |     |           |    |          | Hạng chức danh nghề nghiệp |         |          | Chuẩn nghề nghiệp |           |          |     |          |
|------------|-------------------------------------------------------|-----------|------------------|-----|-----------|----|----------|----------------------------|---------|----------|-------------------|-----------|----------|-----|----------|
|            |                                                       |           | TS               | ThS | ĐH        | CD | TC       | Dưới TC                    | Hạng IV | Hạng III | Hạng II           | Tốt       | Khá      | Đạt | Chưa đạt |
|            | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> |           |                  |     |           |    |          |                            |         |          |                   |           |          |     |          |
| <b>I</b>   | <b>Giáo viên</b>                                      | <b>20</b> |                  |     | <b>20</b> |    |          |                            |         |          |                   | <b>14</b> | <b>6</b> |     |          |
| 1          | Nhà trẻ                                               |           |                  |     |           |    |          |                            |         |          |                   |           |          |     |          |
| 2          | Mẫu giáo                                              |           |                  |     | 20        |    |          | 0                          | 16      | 4        | 14                | 6         |          |     |          |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>                                 | <b>2</b>  |                  |     | <b>2</b>  |    |          |                            |         | <b>2</b> | <b>2</b>          |           |          |     |          |
| 1          | Hiệu trưởng                                           | 1         |                  |     | 1         |    |          |                            |         | 1        | 1                 |           |          |     |          |
| 2          | Phó hiệu trưởng                                       | 1         |                  |     | 1         |    |          |                            |         | 1        | 1                 |           |          |     |          |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>                                      | <b>6</b>  |                  |     | <b>1</b>  |    | <b>1</b> | <b>4</b>                   |         |          |                   |           |          |     |          |
| 1          | Nhân viên văn thư                                     |           |                  |     |           |    |          |                            |         |          |                   |           |          |     |          |
| 2          | Nhân viên kế toán                                     | 1         |                  |     | 1         |    |          |                            | 1       |          |                   |           |          |     |          |
| 3          | Thủ quỹ                                               |           |                  |     |           |    |          |                            |         |          |                   |           |          |     |          |
| 4          | Nhân viên y tế                                        | 1         |                  |     |           | 1  |          | 1                          |         |          |                   |           |          |     |          |
| 5          | Nhân viên BV(HĐ)                                      | 1         |                  |     |           |    | 1        |                            |         |          |                   |           |          |     |          |
| 6          | Nhân viên CD (HĐ)                                     | 3         |                  |     |           |    | 3        |                            |         |          |                   |           |          |     |          |

### 2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

| STT | Nội dung       | Năm học 2024 - 2025 |
|-----|----------------|---------------------|
| 1   | Cán bộ quản lý |                     |

|   |                  |       |
|---|------------------|-------|
|   | Số lượng         | 2/2   |
|   | Tỷ lệ            | 100%  |
| 2 | <b>Giáo viên</b> |       |
|   | Số lượng         | 20/20 |
|   | Tỷ lệ            | 100%  |
| 3 | <b>Nhân viên</b> |       |
|   | Số lượng         | 2/2   |
|   | Tỷ lệ            | 100%  |

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Nhà trường có diện tích đất rộng 2438,4m<sup>2</sup> với diện tích sàn xây dựng 3814.84m<sup>2</sup> bình quân 16.15m<sup>2</sup>/trẻ đảm bảo điều kiện diện tích đất theo tiêu chuẩn quy định. Trường có đủ khối phòng hành chính- quản trị, khối phòng lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập, khối phòng tổ chức ăn cho trẻ đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất Mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT- BGDDT ngày 26/5/2020. Các lớp học sạch sẽ, trang trí sáng đẹp có đồ dùng, đồ chơi thiết bị dạy học đạt trên 91% đồ dùng theo danh mục tối thiểu, có đủ nhà vệ sinh phục vụ cho trẻ.

| STT        | Nội dung                                                                      | Số lượng | Bình quân                 |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng số phòng</b>                                                          |          | Số m <sup>2</sup> /trẻ em |
| <b>II</b>  | <b>Loại phòng học</b>                                                         | 9        | -                         |
| 1          | Phòng học kiên cố                                                             | 9        | -                         |
| 2          | Phòng học bán kiên cố                                                         |          | -                         |
| 3          | Phòng học tạm                                                                 |          | -                         |
| 4          | Phòng học nhờ                                                                 |          | -                         |
| <b>III</b> | <b>Số điểm trường</b>                                                         | 1        | -                         |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>                         | 2438,4   |                           |
| <b>V</b>   | <b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>                                | 1121.45  |                           |
| <b>VI</b>  | <b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>                                       |          |                           |
| 1          | Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )                             | 891      | 3.84                      |
| 2          | Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )                                         |          |                           |
| 3          | Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )                                     | 110.4    | 0.47                      |
| 4          | Diện tích sân chơi (m <sup>2</sup> )                                          | 171      | 0.73                      |
| 5          | Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> )                           | 99       | 2.8                       |
| 6          | Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m <sup>2</sup> ) | 99       | 2.8                       |
| 7          | Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )                                    | 109      | 0.46                      |
| <b>VII</b> | <b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị)</b>                  |          | Số bộ/nhóm (lớp)          |

|      |                                                                                                                         |    |                         |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------|
|      | vị tính: bộ)                                                                                                            |    |                         |
| 1    | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định                                                        | 9  | 1                       |
| 2    | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định                                                    | 0  | 0                       |
| VIII | Tổng số đồ chơi ngoài trời                                                                                              | 2  | Số bộ/sân chơi (trường) |
| IX   | Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...) | 27 |                         |
| X    | Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)                    |    | Số thiết bị/nhóm (lớp)  |
| 1    | ...                                                                                                                     |    |                         |

|    |                         | Số lượng(m <sup>2</sup> ) |                   |        |                           |        |
|----|-------------------------|---------------------------|-------------------|--------|---------------------------|--------|
| XI | Nhà vệ sinh             | Dùng cho giáo viên        | Dùng cho học sinh |        | Số m <sup>2</sup> /trẻ em |        |
|    |                         |                           | Chung             | Nam/Nữ | Chung                     | Nam/Nữ |
| 1  | Đạt chuẩn vệ sinh*      | 2                         | 9                 |        | 0.47                      |        |
| 2  | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* |                           |                   |        |                           |        |

|      |                                                      | Có | Không |
|------|------------------------------------------------------|----|-------|
| XII  | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh                     | x  |       |
| XIII | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)                   | x  |       |
| XIV  | Kết nối internet                                     | x  |       |
| XV   | Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục | x  |       |
| XVI  | Tường rào xây                                        | x  |       |
| **   | ***                                                  |    |       |

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

##### 1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Trường Mẫu giáo An Lục Long đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

6. Viết báo cáo tự đánh giá.

7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá:

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

· Đạt Mức 1: 25/25 tiêu chí, chiếm 100 %

· Đạt Mức 2: 25/25 tiêu chí, chiếm 100 %

· Đạt Mức 3: 8/19 tiêu chí, chiếm 42,1 %

· Đạt Mức 4: 0/6 tiêu chí, chiếm 0 %

- Theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, Trường Mẫu giáo An Lục Long tự đánh giá và được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1 và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2

**2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian**

- Đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 352/QĐ-SGDDT ngày 06/03/2025).

- Đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 12/03/2025).

## **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học 2024-2025:

a) Nhà trường xây dựng Kế hoạch tuyển sinh số 174/ KH-MGALL ngày 24/7/2024, trong đó:

**\* Đối tượng:**

+ Trẻ sinh năm 2019: 22 trẻ

+ Trẻ sinh năm 2020: 77 trẻ

+ Trẻ sinh năm 2021: 25 trẻ

**\* Thời gian tuyển sinh**

- Tuyển sinh trực tuyến trên web <https://longan.tsdv.vn> từ ngày 01/8/2024 đến 08/8/2024

- Ngày 09/8/2024: xét duyệt hồ sơ

- Ngày 12-13/8/2024 cha mẹ học sinh nộp hồ sơ nhập học trực tiếp tại trường sau khi có kết quả trúng tuyển trên cổng tuyển sinh.

**\* Hình thức tuyển sinh**

- Tuyển sinh trực tuyến trên dịch vụ công (truy cập vào trang web: <https://longan.tsdc.vn.edu.vn>).

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (số 212/KH-MGALL ngày 06/9/2024)

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em;

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).

**2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học 2024-2025**

| STT | Nội dung                                                                            | Năm học 2024 - 2025 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1   | Tổng số lớp                                                                         | 9                   |
| 2   | Tổng số trẻ                                                                         | 255                 |
| 3   | Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)                                                         | 28.3                |
| 4   | Số trẻ học 2 buổi/ngày                                                              | 255                 |
| 5   | Số trẻ được tổ chức ăn bán trú                                                      | 255                 |
| 6   | Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ | 255                 |
| 7   | Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi                          | 123                 |
| 8   | Số trẻ khuyết tật                                                                   | 0                   |

3. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: Không có.

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

| STT | Nội dung                                       | Năm 2024      | Năm 2025      |
|-----|------------------------------------------------|---------------|---------------|
| 1   | Tình hình tài chính (các khoản chi phân theo): | 5.026.275.294 | 5.193.354.012 |
|     | - Chi tiền lương và thu nhập                   | 3.356.122.358 | 3.987.519.886 |
|     | - Chi cơ sở vật chất và dịch vụ                | 1.317.612.562 | 1.059.908.526 |
|     | - Chi hỗ trợ người học                         |               |               |
|     | - Chi khác                                     | 352.540.374   | 145.925.600   |

|   |                                                                                                                                                     |               |               |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| 2 | Các khoản thu và mức thu đối với người học (bao gồm học phí, lệ phí và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học | 2.171.864.000 | 2.053.877.000 |
| 3 | Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng                                                                          | 18.931.000    | 121.491.000   |
| 4 | Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)                                                                                                 | 0             | 0             |

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non**

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

### **2. Thực hiện các kế hoạch, đề án**

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

### **3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế**

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học xã, mạnh thường quân và phụ huynh học sinh hỗ trợ như: Vận động sự đóng góp của các ban ngành, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm để tạo thêm nguồn lực cho trường: đã vận động MTQ, CMHS kinh phí tổ chức lễ hội: 12.700.000đ. Hiện Vật: 255 bánh trung thu UBND xã hỗ trợ, 255 đèn trung thu + bánh và 12.300 quyển tập.

- Phối hợp với Hội Khuyến học xã, Cựu Giáo chức xã và Chi đoàn Thanh niên ấp Lê Đại phát quà cho trẻ khó khăn nhận diện tổng kết (HKH 5 nhân quà/

500.000đ/1 phần và Hội KH huyện 1 phần/ 1.000.000đ; Hội CGC 5 phần/200.000đ/1 phần; Chi đoàn ấp Lộ Đá 5 phần/ 300.000đ/1 phần).

- Phối hợp với BCH Quân sự và Đoàn Thanh niên xã chặt tỉa cây, dọn dẹp cảnh quang sân trường

#### **4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin**

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022 -2025.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như Misa, Nutrikid, kiểm định chất lượng, phần mềm thi đua, phần mềm tuyển sinh đầu cấp, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm cổng thông tin điện tử e Portal... Sử dụng phần mềm Edubot trong xây dựng kế hoạch soạn giảng các lứa tuổi được Ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm ICT

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pintersest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin);... trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ. Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

#### **8. Công tác truyền thông**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang fanpage Mẫu giáo An Lục Long, zalo các lớp), thông qua website trường: <https://maugiaoanluclong.pgdchauthanhla.edu.vn>

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm 2025 của trường Mẫu giáo An Lục Long./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- TV Hội đồng trường;
- Công khai;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

